

Sở Giáo Dục & Đào Tạo Trà Vinh

Trường: THPT Tập Sơn

Khóa ngày: 05/06/2025

DANH SÁCH KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10

NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Trí Ánh	Toán		
1	25001	Huỳnh Kiến	An	10/10/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng		6.75	3.50	6.50	16.75		
2	25002	Kim Thị Thủy	An	16/07/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tân Sơn	1.0	5.25	2.50	2.75	11.50		
3	25003	Kim Thị Thủy	An	24/01/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tập Sơn	1.0	5.25	2.25	5.25	13.75		
4	25004	Kim Thị Thủy	An	13/09/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Phước Hưng	1.0	6.00	2.25	4.50	13.75		
5	25005	Lê Tấn	An	19/01/2010	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu		5.50	2.25	0.75	8.50		
6	25006	Nguyễn Đình	An	26/03/2010	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu	1.0	vắng	vắng	vắng			
7	25007	Dương Huỳnh Thiên	Ân	22/04/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng		5.00	2.00	4.00	11.00		
8	25008	Son Văn	Ân	29/08/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tập Sơn	1.0	6.50	3.50	5.25	16.25		
9	25009	Thạch Hoàng	Ân	05/11/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng	1.0	6.25	3.25	5.25	15.75		
10	25010	Nguyễn Quốc	Anh	07/03/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Hùng Hòa		6.50	3.50	5.25	15.25		
11	25011	Thạch Hoàng	Anh	08/05/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng	1.0	4.00	2.50	2.50	10.00		
12	25012	Kim Thị Ngọc	Ánh	14/05/2010	Tiền Giang	Nữ	THCS Tập Sơn	1.0	7.50	3.75	6.75	19.00		
13	25013	Quách Dương Ngọc	Ánh	23/04/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS An Quảng Hữu	1.0	6.75	2.25	2.75	12.75		
14	25014	Kim Thị Phương	Anh	22/02/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Phước Hưng	1.0	5.00	2.25	0.50	8.75		
15	25015	Thạch Công Sâm	Át	13/05/2010	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu	1.0	6.00	2.50	4.00	13.50		
16	25016	Nguyễn Xuân Khánh	Băng	01/02/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tập Sơn		6.75	3.50	6.00	16.25		
17	25017	Lê Văn	Bảo	26/10/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tập Sơn	1.0	vắng	vắng	vắng			
18	25018	Son Hồng	Bảo	14/12/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tân Sơn	1.0	5.75	1.75	5.00	13.50		
19	25019	Kim Trí	Bảo	15/12/2009	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng	1.0	4.50	2.75	6.00	14.25		
20	25020	Nguyễn Già	Bảo	20/08/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng		3.50	1.50	2.50	7.50		
21	25021	Kim Thị Hồng	Bích	12/06/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tân Sơn	1.0	6.00	4.75	3.00	14.75		
22	25022	Kim Thái	Bình	02/07/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tập Sơn	1.0	4.00	3.25	4.50	12.75		
23	25023	Kim Thanh	Bình	24/09/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng	1.0	5.25	1.75	3.00	11.00		
24	25024	Thạch Thái	Bình	12/09/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng	1.0	5.00	1.50	2.50	10.00		
25	25025	Võ Thị Hồng	Cầm	11/04/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS An Quảng Hữu		7.75	5.00	6.25	19.00		
26	25026	Trần Già	Cát	19/05/2010	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu	1.0	8.25	4.00	5.25	18.50		
27	25027	Lâm Thị Bảo	Châu	21/03/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS An Quảng Hữu		5.50	3.50	0.50	9.50		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
28	25028	Trần Bảo	Châu	04/06/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Phước Hưng			6.75	4.00	6.00	16.75	
29	25029	Thạch Quy	Che	24/10/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tân Sơn	1.0		4.00	2.50	1.50	9.00	
30	25030	Nguyễn Thị Huệ	Chi	14/04/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	1.25	1.00	8.25	
31	25031	Kim Ngọc	Chòn	30/01/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	1.75	2.00	9.75	
32	25032	Trần Thị Thanh	Chúc	14/11/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	2.50	5.25	13.75	
33	25033	Kim Chí	Cường	15/11/2009	Trà Vinh	Nam	THCS Tân Sơn	1.0		2.25	3.25	0.75	7.25	
34	25034	Kim Thị Linh	Đa	01/04/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tập Sơn	1.0		8.25	4.00	6.00	19.25	
35	25035	Kim Thị Linh	Đa	25/01/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tân Sơn	1.0		6.50	3.50	6.00	17.00	
36	25036	Tăng Thị Lin	Đa	08/11/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tân Sơn	1.0		6.25	2.25	4.75	14.25	
37	25037	Nguyễn Huỳnh Hải	Đặng	23/02/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng			6.00	2.75	7.75	16.50	
38	25038	Nguyễn Khánh	Đặng	28/01/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng			5.25	1.50	2.75	9.50	
39	25039	Liêu Vinh	Đặng	24/06/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng			7.00	3.50	4.00	14.50	
40	25040	Trần Quốc	Danh	07/09/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Hùng Hòa	1.0		5.25	2.75	1.00	10.00	
41	25041	Kim Thành	Đạt	27/08/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tân Sơn	1.0		3.50	1.25	2.00	7.75	
42	25042	Nguyễn Phước	Đạt	13/02/2010	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu			7.25	2.50	1.25	11.00	
43	25043	Nguyễn Thành	Đạt	20/03/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tân Sơn			7.75	3.50	7.50	18.75	
44	25044	Nguyễn Thành	Đạt	07/02/2010	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu			7.50	2.75	1.75	12.00	
45	25045	Kim Sua Sa	Đây	08/01/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng	1.0		7.00	2.50	6.75	17.25	
46	25046	Thạch Thị	Đẹp	15/05/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.50	1.75	2.25	12.50	
47	25047	Ngô Thị Ngọc	Điểm	07/08/2010	TPHCM	Nữ	THCS Tập Sơn			7.75	3.00	5.75	16.50	
48	25048	Trần Ngọc	Diệp	17/03/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS An Quảng Hữu			8.00	3.50	6.75	18.25	
49	25049	Kim Thị Huỳnh	Diêu	30/10/2010	Trà Vinh	Nữ	THCS Tân Sơn	1.0		7.25	2.25	3.75	14.25	
50	25050	Kim Thị Thanh	Diêu	23/11/2009	Trà Vinh	Nữ	THCS Tập Sơn	1.0		8.25	2.50	4.75	16.50	
51	25051	Lê Thị Ngọc	Diêu	04/11/2010	Bình Dương	Nữ	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	1.75	2.50	10.75	
52	25052	Kim Ngọc	Dĩnh	09/10/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	3.00	1.50	11.25	
53	25053	Đặng Thị Khánh	Đoan	12/03/2009	Trà Vinh	Nữ	THCS Ngãi Hùng			8.50	4.00	3.75	16.25	
54	25054	Thạch Thiên	Du	10/04/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tân Sơn	1.0		5.75	2.50	0.50	9.75	
55	25055	Kim Ngọc	Dữ	07/01/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Phước Hưng	1.0		7.75	3.50	5.25	17.50	
56	25056	Kim Minh	Đức	06/11/2010	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.75	3.50	6.50	18.75	
57	25057	Kiên Đức	Dương	27/12/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tập Sơn	1.0		6.75	2.00	4.50	14.25	
58	25058	Kim	Dương	10/01/2008	Trà Vinh	Nam	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.25	2.25	1.50	12.00	
59	25059	Kim Long	Dương	27/11/2010	Trà Vinh	Nam	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	3.25	0.25	9.50	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tríêng Anh	Toán		
60	25060	Trần Thị Huỳnh	Dương	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			6.25	1.75	4.75	12.75	
61	25061	Đỗ Thị Tường	Duy	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			8.25	4.25	7.25	19.75	
62	25062	Hứa Phúc	Duy	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.25	3.25	5.25	16.75	
63	25063	Huỳnh Thanh	Duy	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			8.00	4.25	6.75	19.00	
64	25064	Huỳnh Thị Tường	Duy	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			7.75	3.50	7.50	18.75	
65	25065	Kim Khang	Duy	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.25	5.75	6.75	20.75	
66	25066	Kim Thế	Duy	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	1.75	2.25	10.00	
67	25067	Nguyễn Võ Thái	Duy	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Ngải Hùng			7.25	5.25	8.00	20.50	
68	25068	Thạch Nhật Minh	Duy	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.50	3.25	5.00	16.75	
69	25069	Lê Thị Mỹ	Duyên	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			6.50	3.00	1.75	11.25	
70	25070	Lê Thị Mỹ	Duyên	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			7.00	3.50	6.00	16.50	
71	25071	Phan Thanh Kỳ	Duyên	TPHCM	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.00	4.25	5.75	19.00	
72	25072	Son Thị Mỹ	Duyên	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	2.25	2.00	12.25	
73	25073	Trần Thị Mỹ	Duyên	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.00	3.25	4.75	15.00	
74	25074	Thạch Thị Ngọc	Giàng	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.25	4.25	7.00	20.50	
75	25075	Kim Ngọc	Giàu	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	2.75	2.75	12.00	
76	25076	Kim Thanh	Giàu	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.25	2.50	5.00	14.75	
77	25077	Kim Thanh	Ha	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.25	2.25	6.00	17.50	
78	25078	Kim Thị Thanh	Hà	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.25	2.75	5.00	16.00	
79	25079	Son Thị Ngọc	Hà	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.75	2.75	2.75	14.25	
80	25080	Thạch Thị	Hà	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.50	2.00	3.75	12.25	
81	25081	Kim Lý	Hải	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	1.50	0.75	8.25	
82	25082	Trần Thanh	Hải	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.00	1.75	1.00	8.75	
83	25083	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			8.50	5.50	7.25	21.25	
84	25084	Kim Thị Ngọc	Hân	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.75	3.25	4.25	16.25	
85	25085	Kim Thị Ngọc	Hân	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.25	2.75	6.75	18.75	
86	25086	Tăng Thị Gia	Hân	Long An	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.00	3.00	1.75	12.75	
87	25087	Thạch Thị Ngọc	Hân	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	1.75	5.50	13.75	
88	25088	Đặng Minh	Hằng	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.00	3.75	6.50	18.25	
89	25089	Kim Thị Bé	Hằng	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		3.50	3.25	2.25	10.00	
90	25090	Kim Thị Minh	Hằng	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.00	5.00	7.25	21.25	
91	25091	Thạch Thị Thủy	Hằng	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.75	3.00	2.75	13.50	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
92	25092	Trang Thúy	19/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn		8.00	5.75	8.50	22.25		
93	25093	Lâm Thị Hồng	08/06/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn		7.00	1.75	4.75	13.50		
94	25094	Huỳnh Nhật	17/11/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		7.75	6.00	4.75	18.50		
95	25095	Kim Hoàn	11/05/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	8.00	3.25	3.50	15.75		
96	25096	Lâm Trí	22/03/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		4.50	2.50	3.75	10.75		
97	25097	Nguyễn Phú	30/11/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	5.00	2.00	0	8.00		
98	25098	Nguyễn Quốc	04/02/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	7.75	3.00	3.00	14.75		
99	25099	Tạ Khánh	02/01/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Trường Thọ		8.50	6.50	8.25	23.25		
100	25100	Thạch Nhựt	11/07/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	7.00	5.25	7.25	20.50		
101	25101	Kim Thị Ngọc	21/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	7.00	3.00	6.00	17.00		
102	25102	Nguyễn Xuân	12/11/2009	Bình Dương	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		6.50	2.50	2.50	11.50		
103	25103	Danh Thanh	18/09/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	6.50	3.25	3.50	14.25		
104	25104	Kim Thị	27/02/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	6.75	1.75	8.50	18.00		
105	25105	Kim Thạch	24/11/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	5.75	2.75	3.75	13.25		
106	25106	Nguyễn Lê Huy	04/07/2010	Nam Định	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		7.00	3.00	3.00	13.00		
107	25107	Thái Văn	18/09/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		8.25	2.75	2.00	13.00		
108	25108	Huỳnh Hữu	07/04/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn		9.00	4.00	5.50	18.50		
109	25109	Đỗ Ngọc	12/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng		8.50	2.75	5.75	17.00		
110	25110	Kim Sang	25/05/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	6.00	2.25	4.50	13.75		
111	25111	Nguyễn Kim	04/06/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	7.00	2.75	5.50	16.25		
112	25112	Kim Gia	17/06/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	5.25	2.25	3.75	12.25		
113	25113	Nguyễn Thị Thu	29/09/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	5.00	0.75	3.00	9.75		
114	25114	Hứa Quang	05/11/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		6.75	2.50	3.25	12.50		
115	25115	Kim Chân	15/07/2008	TPHCM	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	7.50	3.75	5.50	17.75		
116	25116	Kim Gia	24/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	6.50	2.25	1.75	11.50		
117	25117	Kim Gia	19/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	5.25	2.75	0.50	9.50		
118	25118	Kim Thị Ra	29/05/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	6.75	3.00	4.00	14.75		
119	25119	Lâm Gia	02/05/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	6.25	3.50	5.50	16.25		
120	25120	Tăng Thanh	07/07/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		6.50	3.75	5.00	15.25		
121	25121	Thạch Nhật	20/01/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	5.50	2.25	1.25	10.00		
122	25122	Trần Hoàng	25/10/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	5.00	3.50	1.50	11.00		
123	25123	Trần Quốc	10/10/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	8.50	3.50	6.75	19.75		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh tương	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Trí	Toán		
124	25124	Lý Thị Mỹ	30/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tân Sơn		7.25	2.50	6.75		16.50	
125	25125	Nguyễn Thái Mỹ	09/02/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tân Sơn		7.75	5.50	6.50		19.75	
126	25126	Thạch Thị Ngọc	14/06/2010	Cà Mau	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	5.00	1.75	4.25		12.00	
127	25127	Vương Thị Lê	14/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu	1.0	6.25	1.00	2.50		10.75	
128	25128	Kim Thị Sa	30/09/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	4.50	2.50	1.50		9.50	
129	25129	Kim Yến Nhã	04/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	8.75	5.00	5.50		20.25	
130	25130	Thạch Minh	17/04/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	5.00	1.50	2.75		10.25	
131	25131	Kim Mo Ni	03/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	7.00	1.75	1.75		11.50	
132	25132	Cô Nguyễn Nhật	11/11/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		5.50	3.50	2.25		11.25	
133	25133	Kim Sóc	08/12/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	6.00	1.75	1.50		10.25	
134	25134	Nguyễn Minh	25/02/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	7.00	3.25	2.50		13.75	
135	25135	Kim Hoàng	24/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	7.25	2.25	2.50		13.00	
136	25136	Lâm Hoàng	25/02/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	6.75	2.25	2.75		12.75	
137	25137	Lê Quốc	13/07/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn		6.00	4.25	3.75		14.00	
138	25138	Nguyễn Hiếu	16/11/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	6.75	1.50	5.50		14.75	
139	25139	Nguyễn Mạnh	05/10/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		6.50	3.25	5.75		15.50	
140	25140	Nguyễn Tuấn	11/07/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		8.00	6.00	7.00		21.00	
141	25141	Son Kim Hoàng	14/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	5.00	2.00	1.50		9.50	
142	25142	Thạch Hoàng	31/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	6.75	1.75	1.25		10.75	
143	25143	Thạch Ngọc	19/10/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	6.75	3.25	5.50		16.50	
144	25144	Trịnh Dương	13/06/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		7.00	3.00	6.00		16.00	
145	25145	Thạch Bảo	01/06/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	6.25	1.75	6.00		15.00	
146	25146	Trần Duy	08/03/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		6.25	3.00	4.75		14.00	
147	25147	Kim Gia	14/10/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	7.50	4.00	5.75		18.25	
148	25148	Nguyễn Hoàng	05/07/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		8.00	4.75	5.00		17.75	
149	25149	Nguyễn Trung	10/12/2009	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	8.50	2.75	5.75		18.00	
150	25150	Đoàn Thái	30/12/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		7.25	1.75	5.00		14.00	
151	25151	Huỳnh Minh	12/03/2009	Sóc Trăng	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		6.75	2.75	1.75		11.25	
152	25152	Thái Anh	11/06/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		5.00	3.25	2.00		10.25	
153	25153	Trịnh Đăng	14/02/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	7.50	2.75	5.50		16.75	
154	25154	Từ Anh	24/06/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		7.00	2.75	5.75		15.50	
155	25155	Ngô Minh	23/10/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		vắng	vắng	vắng			

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
									KK	Văn	Tríêng	Toán		
156	25156	Nguyễn Đăng	11/01/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Hùng Hòa			6.50	4.00	6.00	16.50	
157	25157	Nguyễn Đình	24/07/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.50	5.00	6.00	18.50	
158	25158	Nguyễn Hoàng Tuấn	24/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.25	5.25	6.25	18.75	
159	25159	Nguyễn Lâm Quốc	06/11/2010	TPHCM	Nam	Kinh	THCS Tân Sơn			5.75	1.75	3.00	10.50	
160	25160	Nguyễn Trương Ân	24/12/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.50	4.75	7.50	19.75	
161	25161	Thạch Trung	26/02/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.75	2.25	5.00	16.00	
162	25162	Kim Thị Diễm	20/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	0.5	7.75	4.25	7.00	20.50	
163	25163	Thạch Thị Thúy	13/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.25	3.00	6.50	17.75	
164	25164	Từ Thị	10/02/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			8.25	5.25	8.75	22.25	
165	25165	Lâm Nguyễn	03/11/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tân Sơn			5.25	2.50	2.00	9.75	
166	25166	Lâm Nguyễn Ngọc	24/10/2010	Khánh Hòa	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		7.25	3.25	7.25	18.75	
167	25167	Hà Thị Kim	28/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.00	2.50	4.75	16.25	
168	25168	Kiên Thị Bé	11/03/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.00	2.00	1.00	11.00	
169	25169	Châu Ngọc	19/05/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			7.25	3.00	6.50	16.75	
170	25170	Ngô Thị Trúc	21/03/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng	1.0		8.00	4.75	5.25	19.00	
171	25171	Tô Nguyễn Hà	08/05/2010	Nam Định	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			7.00	4.25	6.00	17.25	
172	25172	Kim Thị Trúc	27/07/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.25	2.75	2.50	12.50	
173	25173	Nguyễn Thị Hồng	22/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Hùng Hòa			7.00	3.75	6.75	17.50	
174	25174	Lý Thị Hồng	21/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.00	2.25	4.50	13.75	
175	25175	Đặng Thanh	12/01/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.50	2.75	4.75	15.00	
176	25176	Huỳnh Phát	25/11/2009	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			8.25	6.25	5.25	19.75	
177	25177	Nguyễn Phát	15/06/2010	Bến Tre	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			7.50	7.00	6.00	20.50	
178	25178	Nguyễn Tấn	09/02/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tân Sơn			5.00	2.75	2.25	10.00	
179	25179	Kiên Ngọc	14/12/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		4.50	1.50	1.25	8.25	
180	25180	Trình Bảo	04/12/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Ngãi Hưng			7.50	9.25	9.75	26.50	
181	25181	Thạch Vũ	20/09/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.50	5.25	6.25	20.00	
182	25182	Huỳnh Nhật	03/12/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			7.00	3.25	1.25	11.50	
183	25183	Huỳnh Thị Kiều	29/03/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.00	2.50	5.00	15.50	
184	25184	Thạch Ngọc	13/06/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.75	3.00	6.00	17.75	
185	25185	Thạch Sanh	15/01/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.25	3.25	4.75	15.25	
186	25186	Trần Thị Thảo	07/02/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.50	5.00	6.25	19.75	
187	25187	Võ Thị Trúc	29/05/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			5.25	0.25	3.25	8.75	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú	
										Văn	Triết Anh	Toán			
188	25188	Thạch Thị Xuân	Mai	25/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		7.00	2.50	4.00	14.50	
189	25189	Thạch Thị Xuân	Mai	18/02/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.00	3.25	3.00	13.25	
190	25190	Thị Nguyễn Ngọc	Mai	04/06/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			7.25	3.50	6.00	16.75	
191	25191	Hà Minh	Mẫn	21/09/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tân Sơn			5.00	2.50	1.75	9.25	
192	25192	Nguyễn Minh	Mẫn	11/03/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.75	2.50	2.25	12.50	
193	25193	Kim Thị Sa	Mane	25/02/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		5.00	2.75	4.25	13.00	
194	25194	Hà Thạch Trúc	Minh	22/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		8.75	4.00	5.50	19.25	
195	25195	Kim Bình	Minh	15/05/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	2.50	4.75	14.00	
196	25196	Kim Ngọc	Minh	24/11/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	2.00	5.50	14.25	
197	25197	Kim Phum	Minh	28/08/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	3.25	4.00	14.00	
198	25198	Kim Thị Tuyết	Minh	02/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.75	3.75	7.75	21.25	
199	25199	Lê Anh	Minh	20/10/2010	Vũng Tàu	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			5.75	2.50	4.75	13.00	
200	25200	Nhan Nguyễn Nhã	Minh	23/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.00	7.50	8.00	23.50	
201	25201	Thạch Ngọc	Minh	15/06/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.25	2.25	2.25	10.75	
202	25202	Thạch Trọng	Minh	15/04/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.75	2.50	1.75	13.00	
203	25203	Thái Bình	Minh	23/07/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.75	2.75	1.25	10.75	
204	25204	Trần Nhựt	Minh	18/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.75	3.00	4.00	15.75	
205	25205	Trần Quốc	Minh	17/08/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.50	3.75	4.50	15.75	
206	25206	Trần Tuệ	Minh	10/05/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			9.00	6.25	6.00	21.25	
207	25207	Thạch Thị	Mum	09/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.00	3.00	0.50	9.50	
208	25208	Phạm Thị Ái	My	31/08/2010	Cần Thơ	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	2.00	6.00	14.50	
209	25209	Phan Thị Hà	My	12/08/2009	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			5.75	3.25	6.00	15.00	
210	25210	Lâm Toàn	Mỹ	09/08/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			6.25	4.50	7.25	18.00	
211	25211	Kim Thị Sa	Na	15/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.25	2.25	4.25	14.75	
212	25212	Kim Vạt Tha	Na	23/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		3.25	3.00	4.00	11.25	
213	25213	Kim Khánh	Nam	07/07/2010	Vĩnh Long	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	2.75	0.50	9.25	
214	25214	Tăng Quốc	Nam	19/01/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tân Sơn			6.00	3.00	6.50	15.50	
215	25215	Thạch Hoàng	Nam	31/01/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.25	3.25	6.00	16.50	
216	25216	Trần Nguyễn Hào	Nam	21/02/2010	Đồng Tháp	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.75	3.50	6.25	17.50	
217	25217	Kim Sầm	Nang	05/12/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.00	3.00	1.00	10.00	
218	25218	Thạch Thị	Nét	29/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.25	2.75	4.25	16.25	
219	25219	Kim Thị Tú	Nga	17/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.50	2.25	6.50	15.25	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
220	25220	Kim Thị Thanh	Ngân	29/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	7.50	1.75	7.00	17.25	
221	25221	Kim Thị Thanh	Ngân	05/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	6.50	2.50	4.00	14.00	
222	25222	Kim Thị Thanh	Ngân	14/08/2010	TPHCM	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	7.00	2.50	3.25	13.75	
223	25223	Kim Thị Thúy	Ngân	22/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	6.50	2.00	4.75	14.25	
224	25224	Thạch Thị Kim	Ngân	17/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	3.75	2.50	2.00	9.25	
225	25225	Thái Thị Thanh	Ngân	12/07/2009	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	6.75	2.50	6.25	16.50	
226	25226	Kim Ngọc Bảo	Nghi	16/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	6.75	2.25	1.75	11.75	
227	25227	Kim Thị Xuân	Nghi	16/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	5.75	2.25	5.00	14.00	
228	25228	Từ Mộng	Nghi	11/06/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng		6.75	2.00	5.25	14.00	
229	25229	Bùi Đức	Ngĩa	05/07/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		6.25	2.75	5.75	14.75	
230	25230	Bùi Trọng	Ngĩa	17/06/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		5.75	2.75	0.75	9.25	
231	25231	Huỳnh Nhân	Ngĩa	25/10/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn		5.75	2.50	4.00	12.25	
232	25232	Kim Chí	Ngĩa	03/10/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	5.75	3.25	3.00	13.00	
233	25233	Kim Trọng	Ngĩa	14/01/2010	TPHCM	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	6.00	3.50	4.00	14.50	
234	25234	Đàm Minh	Ngọc	20/05/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tân Sơn		7.50	2.50	6.00	16.00	
235	25235	Dư Trúc	Ngọc	06/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn		7.50	4.00	3.75	15.25	
236	25236	Huỳnh Thị Khánh	Ngọc	04/08/2010	trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn		6.50	2.00	3.25	11.75	
237	25237	Huỳnh Thị Thu	Ngọc	19/06/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	6.50	2.00	4.75	14.25	
238	25238	Mã Thị Yên	Ngọc	29/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	6.75	3.25	5.25	16.25	
239	25239	Thạch Thị	Ngọc	17/12/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0	4.50	2.00	2.75	10.25	
240	25240	Trần Thái Khánh	Ngọc	20/12/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn		6.75	5.25	7.25	19.25	
241	25241	Trần Xuân Bội	Ngọc	07/03/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng		6.75	2.50	4.75	14.00	
242	25242	Lâm Chí	Nguyễn	31/05/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	5.00	3.25	1.25	10.50	
243	25243	Lý Thảo	Nguyễn	07/12/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng		7.75	4.50	5.00	17.25	
244	25244	Nhan Thanh	Nguyễn	29/11/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu		6.00	2.25	4.50	12.75	
245	25245	Tăng Võ Thảo	Nguyễn	01/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu		9.00	5.00	7.00	21.00	
246	25246	Tổng Nhật	Nguyễn	27/07/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	5.25	1.75	0.50	8.50	
247	25247	Võ Thị Trúc	Nguyễn	18/12/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu		8.25	2.50	3.00	13.75	
248	25248	Thạch Thị Ánh	Nguyễn	23/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0	7.25	2.75	5.00	16.00	
249	25249	Kim Thanh	Nhã	23/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0	7.25	2.25	3.25	13.75	
250	25250	Từ Thanh	Nhã	06/07/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng		7.00	2.00	4.25	13.25	
251	25251	Hồ Hữu	Nhân	30/05/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0	3.25	2.75	0.50	7.50	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
252	25252	Huỳnh Chí	27/03/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.50	5.50	6.50	19.50	
253	25253	Kim Ngọc	20/11/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.00	2.75	5.00	14.75	
254	25254	Lâm Đạt	28/10/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			6.00	1.50	3.75	11.25	
255	25255	Nguyễn Chí	18/11/2010	Trà Vinh	Nam	Hoa	THCS Phước Hưng	1.0		6.00	4.00	6.00	17.00	
256	25256	Thạch Phi	06/04/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	3.00	2.75	12.50	
257	25257	Trần Quang	04/12/2010	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			6.25	2.75	6.00	15.00	
258	25258	Kim Thị Quỳnh	10/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	2.75	3.25	12.50	
259	25259	Kim Thị Tâm	27/09/2009	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	2.00	7.25	16.00	
260	25260	Kim Thị Thảo	11/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		8.00	3.25	7.00	19.25	
261	25261	Son Thị Minh	04/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		3.25	2.25	4.50	11.00	
262	25262	Thạch Thị Yến	10/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.00	5.25	3.00	14.25	
263	25263	Từ Thị An	06/03/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			8.00	7.25	8.00	23.25	
264	25264	Kim Ngọc	12/03/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	1.50	2.50	10.50	
265	25265	Thạch Ngọc	06/01/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		4.25	2.50	3.75	11.50	
266	25266	Kim Thị Huỳnh	24/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		8.50	4.00	6.25	19.75	
267	25267	Kim Thị Huỳnh	24/01/2009	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.00	3.75	5.50	18.25	
268	25268	Kim Thị Tâm	28/05/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		8.75	5.00	6.25	21.00	
269	25269	Lâm Thị Quỳnh	21/09/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			7.50	2.50	1.50	11.50	
270	25270	Lâm Thị Yến	06/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.25	2.00	2.25	10.50	
271	25271	Thạch Thị Huỳnh	15/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		6.00	1.75	2.75	11.50	
272	25272	Thạch Thị Huỳnh	04/12/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.50	2.75	4.00	15.25	
273	25273	Thạch Thị Huỳnh	24/03/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		8.50	4.75	5.25	19.50	
274	25274	Thạch Thị Yến	12/06/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		7.25	2.25	5.50	16.00	
275	25275	Lê Hồng	07/05/2010	Cần Thơ	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			8.75	6.00	7.00	21.75	
276	25276	Trần Thị Tuyết	26/02/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			7.25	2.75	6.00	16.00	
277	25277	Kim Minh	04/04/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.75	1.50	3.75	14.00	
278	25278	Kim Thị Đa	03/03/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		6.00	3.25	3.50	13.75	
279	25279	Kim Kiều	25/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		7.00	3.25	5.75	17.00	
280	25280	Tôn Hoàng	12/02/2010	Bến Tre	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	2.00	4.25	13.00	
281	25281	Trần Thị Kiều	17/11/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.00	1.25	2.25	12.50	
282	25282	Thạch Bá	01/09/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		4.00	1.00	0.25	6.25	
283	25283	Thạch Phước	16/05/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		7.25	2.00	1.50	11.75	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ƯT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
284	25284	Kim	Phong	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.25	3.00	5.25	14.50	
285	25285	Kim Tuấn	Phong	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.25	1.75	1.75	9.75	
286	25286	Nguyễn Văn Đại	Phú	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		8.00	3.00	7.75	19.75	
287	25287	Ngô Trọng	Phúc	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.75	3.25	3.25	14.25	
288	25288	Nguyễn Phan Gia	Phúc	Vĩnh Long	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.25	3.25	6.25	16.75	
289	25289	Thạch Văn	Phúc	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		5.25	3.00	0.50	9.75	
290	25290	Kim Minh	Phuong	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.25	1.75	5.50	13.50	
291	25291	Kim Văn	Phuong	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.50	3.50	4.75	17.75	
292	25292	Son Thị Mỹ	Phuong	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.50	6.00	8.75	23.25	
293	25293	Thạch Ngọc	Phuong	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.00	2.25	1.25	9.50	
294	25294	Thạch Thị Mỹ	Phuong	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.75	2.50	4.00	15.25	
295	25295	Trần Kim Trúc	Phuong	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	2.50	2.50	11.00	
296	25296	Trương Thị Thanh	Phuong	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.00	2.75	2.50	13.25	
297	25297	Thạch Thị	Phuong	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	3.75	5.50	16.00	
298	25298	Huỳnh Minh	Quân	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			6.50	4.00	7.00	17.50	
299	25299	Lưu Minh	Quân	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			6.25	3.75	6.75	16.75	
300	25300	Huỳnh Phạm Gia	Quí	TPHCM	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			5.75	3.75	2.75	12.25	
301	25301	Dur Ngọc	Quý	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Ngãi Hùng			7.50	2.75	5.75	16.00	
302	25302	Thạch Ngọc	Quý	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.00	2.50	1.00	9.50	
303	25303	Kim Thị Mỹ	Quỳnh	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.25	1.50	5.75	14.50	
304	25304	Ngô Tú	Quỳnh	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.25	7.00	7.25	22.50	
305	25305	Trần Thanh Thảo	Quỳnh	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.75	3.25	4.00	15.00	
306	25306	Trương Thị Mỹ	Quỳnh	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.00	6.75	7.75	23.50	
307	25307	Kim Ngô	Quỳnh	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.50	3.25	7.25	19.00	
308	25308	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Hùng Hòa			6.75	3.75	5.25	15.75	
309	25309	Thạch Thị Như	Quỳnh	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.75	2.00	3.50	12.25	
310	25310	Kim Ngọc	Riêng	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		4.50	2.50	0.75	8.75	
311	25311	Thạch Đa	Rô	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		7.25	1.75	6.50	16.50	
312	25312	Kim Phi	Rum	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.50	1.75	5.25	15.50	
313	25313	Châu Thanh	Sang	TPHCM	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.25	2.50	2.75	12.50	
314	25314	Trần Thái	Son	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		7.00	8.50	7.00	23.50	
315	25315	Kim Thị Ngọc	Suong	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.50	2.50	3.50	12.50	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ƯT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Trí Ânh	Toán		
316	25316	Kim Tấn	Tài	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.00	1.75	1.75	9.50	
317	25317	Lâm Thành	Tài	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.50	3.50	6.75	17.75	
318	25318	Nguyễn Thanh	Tài	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		3.75	1.50	1.25	7.50	
319	25319	Kiên Thành	Tâm	TPHCM	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.00	2.25	3.25	11.50	
320	25320	Kim Thanh	Tâm	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.50	3.25	5.00	16.75	
321	25321	Kim Thanh	Tâm	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		6.00	4.00	3.50	14.50	
322	25322	Kim Thị Thanh	Tâm	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.50	3.25	6.75	18.50	
323	25323	Thạch Minh	Tâm	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.50	2.50	7.75	18.75	
324	25324	Thạch Thị Mỹ	Tâm	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.50	1.50	3.25	11.25	
325	25325	Nguyễn Trọng	Tấn	TPHCM	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			6.00	4.50	8.00	18.50	
326	25326	Trần Minh	Tạo	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		6.50	3.50	1.75	12.75	
327	25327	Thạch Thị Sê	Tha	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.75	2.25	5.00	14.00	
328	25328	Dương Quốc	Thái	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		6.50	3.00	1.75	12.25	
329	25329	Kim Thị Hồng	Thắm	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.75	3.25	4.25	14.25	
330	25330	Huỳnh Hữu	Thắng	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			6.00	1.50	2.75	10.25	
331	25331	Kim Minh	Thắng	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.00	2.50	5.25	14.75	
332	25332	Kim Quốc	Thắng	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.75	2.75	5.50	15.00	
333	25333	Kim Thị Ngọc	Thanh	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	2.25	4.00	12.75	
334	25334	Kim Thị Phương	Thanh	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		6.50	3.25	4.50	15.25	
335	25335	Thạch Quốc	Thanh	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		4.25	1.50	3.00	9.75	
336	25336	Kim	Thảo	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	1.50	2.25	9.75	
337	25337	Kim Chí	Thảo	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.50	2.75	4.25	16.50	
338	25338	Kim Thị Bé	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Hùng Hòa	1.0		6.50	4.75	5.75	18.00	
339	25339	Kim Thị Phương	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.25	2.00	3.25	13.50	
340	25340	Kim Thị Thiên	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		3.75	1.25	1.00	7.00	
341	25341	Lê Thị Bé	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			8.00	3.00	5.75	16.75	
342	25342	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			7.00	2.50	5.50	15.00	
343	25343	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			9.00	4.00	6.00	19.00	
344	25344	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.50	3.25	3.75	15.50	
345	25345	Thạch Sơn Thu	Thảo	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.00	2.75	2.00	11.75	
346	25346	Lý Hoàng	Thảo	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.75	2.50	1.75	11.00	
347	25347	Kim Quanh	Thi	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		7.00	3.50	5.00	16.50	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
348	25348	Kim Số	Thia	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.00	2.50	3.50	12.00	
349	25349	Thạch Thị Số	Thia	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.75	3.50	6.00	18.25	
350	25350	Kim	Thiên	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	4.25	2.00	12.25	
351	25351	Thạch Hào	Thiên	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	2.75	6.25	17.00	
352	25352	Từ Hạo	Thiên	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			5.25	4.00	1.00	10.25	
353	25353	Tăng Văn	Thiệt	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.25	3.50	5.00	15.75	
354	25354	Huỳnh Hữu	Thịnh	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tân Sơn			2.00	3.00	0.25	5.25	
355	25355	Kim Ngọc	Thịnh	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.00	3.50	4.25	13.75	
356	25356	Lâm Quang	Thịnh	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.50	7.50	9.00	24.00	
357	25357	Nguyễn Trần Phúc	Thịnh	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.75	5.25	3.00	16.00	
358	25358	Tăng Phước	Thịnh	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.00	3.75	4.75	17.50	
359	25359	Trương Gia	Thịnh	TPHCM	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			8.50	4.50	9.00	22.00	
360	25360	Nguyễn Thị Minh	Thơ	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.50	2.25	5.50	14.25	
361	25361	Nguyễn Thị Cẩm	Thoa	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			7.00	2.25	2.50	11.75	
362	25362	Hồng Thiên	Thư	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Hùng Hòa	1.0		7.50	4.75	6.50	19.75	
363	25363	Kim Thị Anh	Thư	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.00	2.75	4.00	15.75	
364	25364	Kim Ut	Thư	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		vắng	vắng	vắng		
365	25365	Lê Thị Minh	Thư	An Giang	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			vắng	vắng	vắng		
366	25366	Thạch Thị Minh	Thư	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.25	2.75	3.50	14.50	
367	25367	Thạch Thị Minh	Thư	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		5.75	3.00	0.50	10.25	
368	25368	Thạch Thị An	Thuận	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	1.25	5.75	15.00	
369	25369	Bùi Trần Hoài	Thương	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Hùng Hòa			6.50	6.00	7.00	19.50	
370	25370	Kim Thị Thanh	Thúy	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		7.50	3.75	6.00	18.25	
371	25371	Thạch Thị Thanh	Thúy	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.50	2.50	4.50	16.50	
372	25372	Lê Thu	Thúy	Sóc Trăng	Nữ	Kinh	THCS Tân Sơn	1.0		7.75	2.25	5.75	16.75	
373	25373	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	TPHCM	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			5.75	3.00	3.00	11.75	
374	25374	Thạch Thị Bé	Ti	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		5.75	1.25	2.25	10.25	
375	25375	Kim Thị Cẩm	Tiền	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.75	2.50	3.50	12.75	
376	25376	Nguyễn Thị Cẩm	Tiền	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.75	2.75	4.50	14.00	
377	25377	Kim Minh	Tiền	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		4.50	2.25	1.25	9.00	
378	25378	Đặng Hữu	Tiền	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			7.50	2.75	3.75	14.00	
379	25379	Lê Thị Kim	Tiền	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			6.00	2.25	1.75	10.00	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ƯT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
380	25380	Thạch Ngọc	Tiền	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	3.75	6.75	18.50	
381	25381	Thạch	Tinh	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.75	5.50	8.75	24.00	
382	25382	Kim	Tinh	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.50	2.50	1.25	11.25	
383	25383	Kim	Toàn	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		2.50	3.00	0.75	7.25	
384	25384	Kim Ngọc	Toàn	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.25	0.75	3.00	10.00	
385	25385	Trần Quốc	Toàn	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Hùng Hòa			6.25	3.00	3.25	12.50	
386	25386	Trương Thanh	Toàn	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.00	3.50	5.75	17.25	
387	25387	Phước Thu	Trà	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Ngải Hùng			6.50	3.25	6.00	15.75	
388	25388	Huỳnh Công	Trắc	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			8.00	2.50	7.50	18.00	
389	25389	Kiên Thị Phương	Trầm	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		8.75	5.25	5.75	20.75	
390	25390	Son Thị Ngọc	Trầm	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.25	2.75	6.25	18.25	
391	25391	Thạch Thị Ngọc	Trầm	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.50	5.75	7.25	22.50	
392	25392	Trần Thị Thu	Trầm	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tân Sơn			8.00	2.25	7.25	17.50	
393	25393	Đinh Bảo	Trần	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.25	4.00	7.50	19.75	
394	25394	Kiên Thị Bảo	Trần	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.25	2.75	5.00	14.00	
395	25395	Kim Thị Ngọc	Trần	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		5.25	2.75	6.00	15.00	
396	25396	Kim Thị Ngọc	Trần	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	3.00	4.50	15.50	
397	25397	Trần Lâm Bảo	Trần	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			6.25	4.50	5.50	16.25	
398	25398	Hứa Thảo	Trang	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.00	2.50	4.75	16.25	
399	25399	Kim Thị Ngọc	Trang	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.50	1.50	5.25	14.25	
400	25400	Kim Thị Thùy	Trang	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	3.00	5.50	16.50	
401	25401	Nguyễn Thị Bảo	Trang	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.00	4.50	6.00	18.50	
402	25402	Thạch Thị Thu	Trang	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		8.25	5.25	5.50	20.00	
403	25403	Thạch Thị Thu	Trang	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.50	5.00	3.75	15.25	
404	25404	Trần Thị Diễm	Trang	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS TT Trà Cú	1.0		7.50	2.75	5.75	17.00	
405	25405	Trần Xuân	Trang	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.50	2.50	3.50	13.50	
406	25406	Kim Minh	Trí	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		4.75	2.75	2.25	10.75	
407	25407	Kim Nhất	Trí	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.75	4.00	7.00	20.75	
408	25408	Nguyễn Võ Minh	Trí	Bình Dương	Nam	Kinh	THCS Thuận Giao			8.50	2.75	5.25	16.50	
409	25409	Trần Minh	Trí	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			6.50	3.25	0.50	10.25	
410	25410	Dương Minh	Triết	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.75	2.50	5.50	15.75	
411	25411	Nguyễn Ngọc	Trinh	TPHCM	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			7.75	2.25	3.25	13.25	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ƯT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
										Văn	Tiếng Anh	Toán		
412	25412	Thạch Thị Tú	Trinh	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		vắng	vắng	vắng		
413	25413	Kim Thị	Trúc	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.00	3.25	4.75	17.00	
414	25414	Nguyễn Ngọc	Trúc	An Giang	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.50	8.75	7.75	25.00	
415	25415	Thạch Thị Thanh	Trúc	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.75	1.25	1.00	9.00	
416	25416	Kim Minh	Trường	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.50	3.00	3.75	14.25	
417	25417	Kim Thị Mai	Truyền	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		5.25	1.25	1.25	8.75	
418	25418	Thạch Thị Cẩm	Tú	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		6.50	3.00	3.50	14.00	
419	25419	Trầm Thanh	Tú	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			5.25	3.00	2.50	10.75	
420	25420	Trần Thị Cẩm	Tú	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			8.75	5.00	7.00	20.75	
421	25421	Lê Sơn	Tuấn	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.00	2.50	0.75	9.25	
422	25422	Châu Thanh	Tùng	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		6.50	2.75	1.75	12.00	
423	25423	Nguyễn Thanh	Tường	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tân Sơn			7.25	3.25	6.00	16.50	
424	25424	Trần Ngọc Cát	Tường	TPHCM	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0		8.25	2.50	4.25	16.00	
425	25425	Trần Ngọc Cát	Tường	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			8.25	7.75	7.25	23.25	
426	25426	Vương Khiết	Tường	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	2.50	4.00	14.50	
427	25427	Nguyễn Thanh	Tuyền	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.75	3.25	6.25	19.25	
428	25428	Thạch Mỹ	Tuyền	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0		8.25	8.00	7.75	25.00	
429	25429	Thạch Thị Bích	Tuyền	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.75	2.25	5.50	15.50	
430	25430	Võ Thị Thanh	Tuyền	Tây Ninh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			6.50	3.25	5.25	15.00	
431	25431	Kim Thảo	Uyên	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		8.50	3.50	8.25	21.25	
432	25432	Kim Thị	Vân	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.50	3.00	4.75	15.25	
433	25433	Lâm Kim Thúy	Vân	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0		5.50	2.75	3.50	12.75	
434	25434	Thạch Thị Bích	Vân	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		6.75	3.00	2.75	13.50	
435	25435	Huỳnh Tường	Vi	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng			8.75	3.75	8.25	20.75	
436	25436	Huỳnh Phước	Vinh	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		7.00	4.75	4.50	17.25	
437	25437	Nguyễn Đăng	Vinh	Bình Dương	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu			9.00	5.75	7.00	21.75	
438	25438	Lê Quốc	Vinh	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Tập Sơn			7.25	3.50	2.00	12.75	
439	25439	Lâm Minh	Vương	Trà Vinh	Nam	Kinh	THCS Phước Hưng			6.00	3.25	2.75	12.00	
440	25440	Cao Hà Lê	Vy	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.00	3.25	6.25	17.50	
441	25441	Đào Hứa Ái	Vy	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu			8.50	6.75	8.50	23.75	
442	25442	Dư Kim Trà	Vy	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0		8.25	7.50	6.00	22.75	
443	25443	Hồ Thị Tường	Vy	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn			8.75	6.75	9.00	24.50	

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm UT	Điểm m KK	Điểm thi			Tổng điểm	Ghi chú
444	25444	Huỳnh Nguyễn Trúc Vy	29/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Ngãi Hùng							
445	25445	Huỳnh Thị Số Phia Vy	18/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0						
446	25446	Kim Thảo Vy	15/09/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0						
447	25447	Lê Ngọc Bảo Vy	25/03/2010	Bình Dương	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn							
448	25448	Thạch Ngọc Thảo Vy	11/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS An Quảng Hữu	1.0						
449	25449	Trần Tường Vy	24/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn							
450	25450	Trần Yến Vy	27/06/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Hùng Hòa							
451	25451	Vô Lâm Kiều Vy	19/12/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Tập Sơn							
452	25452	Kim Thị Hồng Xuân	13/01/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0						
453	25453	Giang Thị Như Ý	26/04/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Ngãi Hùng							
454	25454	Kim Thành Ý	19/09/2010	Trà Vinh	Nam	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0						
455	25455	Nguyễn Anh Như Ý	24/09/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS Phước Hưng							
456	25456	Kim Thị Ngọc Yến	16/07/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0						
457	25457	La Thị Bảo Yến	10/10/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0						
458	25458	Lâm Thị Yến	17/08/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tân Sơn	1.0						
459	25459	Nguyễn Thị Ngọc Yến	14/05/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh	THCS An Quảng Hữu							
460	25460	Tăng Huỳnh Ngọc Yến	19/12/2010	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Phước Hưng	1.0						
461	25461	Thạch Thị Hồng Nhung	31/03/2009	Trà Vinh	Nữ	Khmer	THCS Tập Sơn	1.0						
462	25462	Lê Quốc Đạt	18/08/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh	THCS An Quảng Hữu							

Người lập bảng

Hồ Thành Công

Trà Vinh, ngày 28 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Bạch Vân